

Phụ lục VI

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ
MỸ CHÂU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 36/2022/CBTT-MCP

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 08 năm 2022

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

- Mã chứng khoán: MCP
- Địa chỉ: số 18, đường Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh
- Điện thoại liên hệ: 3961 2844 – 3961 2734 Fax: 3961 2737
- E-mail: info@mychau.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

Công ty Cổ Phần In và Bao bì Mỹ Châu công bố thông tin Báo cáo kiểm toán bán niên năm 2022

Thông tin này đã được công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Công ty Cổ Phần In và Bao bì Mỹ Châu tại đường dẫn www.mychau.com.vn ngày 13/08/2022.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC
CÔNG TY
CỔ PHẦN
IN VÀ BAO BÌ
MỸ CHÂU
TỔNG GIÁM ĐỐC
Trương Nữ Thị Đỗ Quỳnh

**CÔNG TY CỔ PHẦN
IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022



CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

Địa chỉ: 18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2022	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2022	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2022	8
Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc	9 – 29

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

Địa chỉ: 18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thời Hòa, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần In và Bao Bì Mỹ Châu (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được soát xét của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2022.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Ngọc Nghị	Chủ tịch
Bà Phan Đỗ Hạnh	Thành viên
Ông Lưu Nguyễn Chí Nhân	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Vũ Đình Thái	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Cẩm Vang	Thành viên
Bà Phạm Ngọc Hạnh Nhung	Thành viên (bổ nhiệm ngày 28 tháng 04 năm 2022)
Ông Nguyễn Tuấn Vinh	Thành viên (bãi nhiệm ngày 28 tháng 04 năm 2022)

Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Trương Nữ Thị Đỗ Quỳnh	Tổng Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên của RSM Quốc tế.

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

Địa chỉ: 18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thời Hòa, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



Trương Nữ Thị Đỗ Quỳnh

Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2022

Số: 25/2022/SX-RSMHCM

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị
Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu, được lập ngày 12 tháng 08 năm 2022, từ trang 05 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

(Xem trang tiếp theo)

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC



Đặng Thị Hồng Loan
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
0425-2018-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam
TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2022

Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc, báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

Địa chỉ: 18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 01a - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30/06/2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2022	Tại ngày 01/01/2022
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		310.351.984.838	244.557.378.946
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	56.354.294.446	24.525.781.740
1. Tiền	111		8.354.294.446	24.525.781.740
2. Các khoản tương đương tiền	112		48.000.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		3.200.000.000	7.200.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	4.2	3.200.000.000	7.200.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		96.254.265.903	100.642.335.803
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	93.132.712.035	99.444.191.832
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	2.876.633.537	1.044.087.262
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		244.920.331	154.056.709
IV. Hàng tồn kho	140		150.728.588.843	110.453.264.874
1. Hàng tồn kho	141	4.5	150.728.588.843	110.453.264.874
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.814.835.646	1.735.996.529
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.6	1.354.644.101	1.576.856.477
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.9	2.460.191.545	159.140.052
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		86.647.833.263	89.238.561.318
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		5.250.000	5.250.000
1. Phải thu dài hạn khác	216		5.250.000	5.250.000
II. Tài sản cố định	220		32.627.546.705	35.675.156.173
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.7	32.627.546.705	35.675.156.173
Nguyên giá	222		351.831.057.746	349.404.833.389
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(319.203.511.041)	(313.729.677.216)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		29.424.258	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		29.424.258	-
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		48.983.600.000	48.983.600.000
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	4.2	48.983.600.000	48.983.600.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		5.002.012.300	4.574.555.145
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.6	5.002.012.300	4.574.555.145
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		396.999.818.101	333.795.940.264

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

Địa chỉ: 18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 01a - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 30/06/2022

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2022	Tại ngày 01/01/2022
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		171.199.920.898	110.803.246.983
I. Nợ ngắn hạn	310		171.199.920.898	110.803.246.983
1. Nợ phải trả người bán ngắn hạn	311	4.8	22.962.324.382	19.013.219.549
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		19.886.006	525.961.486
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.9	4.563.693.464	2.454.781.839
4. Phải trả người lao động	314	4.10	5.827.361.806	10.501.911.701
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.11	1.052.349.700	1.112.255.126
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.12	11.380.382.130	11.825.960.087
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.13	121.731.366.339	63.530.392.942
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	4.14	3.662.557.071	1.838.764.253
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		225.799.897.203	222.992.693.281
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.15	225.799.897.203	222.992.693.281
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		150.713.370.000	150.713.370.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		150.713.370.000	150.713.370.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		15.557.011.449	15.557.011.449
3. Cổ phiếu quỹ	415		(317.124.000)	(317.124.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		54.796.833.014	34.613.407.653
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		5.049.806.740	22.426.028.179
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		5.049.806.740	22.426.028.179
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		396.999.818.101	333.795.940.264



Trương Nữ Thị Đỗ Quỳnh
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2022

Nguyễn Hòa Hiệp
Kế toán trưởng

Dương Trương Thị Hồng Trinh
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

Địa chỉ: 18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 02a - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	4.17	253.884.678.981	185.236.911.381
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		238.988.315	78.616.066
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		253.645.690.666	185.158.295.315
4. Giá vốn hàng bán	11	4.18	227.657.983.946	156.574.964.723
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		25.987.706.720	28.583.330.592
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	4.19	1.209.317.110	1.871.006.858
7. Chi phí tài chính	22	4.20	3.653.951.313	2.193.044.548
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		2.367.723.975	2.631.024.081
8. Chi phí bán hàng	25	4.21	8.880.801.914	7.186.816.380
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	4.22	8.466.596.727	8.433.986.230
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		6.195.673.876	12.640.490.292
11. Thu nhập khác	31		61.704.769	1.017.389.157
12. Chi phí khác	32		28.556.465	294.239.527
13. Lợi nhuận khác	40		33.148.304	723.149.630
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		6.228.822.180	13.363.639.922
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	4.24	1.179.015.440	2.672.727.984
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		5.049.806.740	10.690.911.938
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.15.4	335	710
18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.15.5	335	710



Trương Nữ Thị Đỗ Quỳnh
Tổng Giám đốc
 TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2022

Nguyễn Hòa Hiệp
Kế toán trưởng

Dương Trương Thị Hồng Trinh
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		6.228.822.180	13.363.639.922
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	4.7	5.473.833.825	7.316.847.337
Các khoản dự phòng	03		-	(459.899.988)
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		771.466.062	(10.664.208)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.143.952.030)	(1.913.977.187)
Chi phí lãi vay	06	4.20	2.367.723.975	2.631.024.081
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		13.697.894.012	20.926.969.957
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		2.111.664.436	4.331.666.078
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(40.275.323.969)	5.807.460.686
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		603.138.073	(5.453.847.626)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(205.244.779)	(617.122.004)
Tiền lãi vay đã trả	14		(2.378.147.114)	(2.687.820.744)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.9	(1.475.229.870)	(3.876.551.502)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(418.810.000)	(293.877.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(28.340.059.211)	18.136.877.845
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(2.455.648.615)	(397.536.363)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	109.090.909
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		4.000.000.000	48.800.000.000
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(47.011.600.000)
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.119.306.001	3.291.995.895
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		2.663.657.386	4.791.950.441
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	4.25	145.085.724.717	46.240.068.542
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	4.26	(87.583.171.181)	(102.162.370.439)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		57.502.553.536	(55.922.301.897)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ				
(50 = 20+30+40)	50		31.826.151.711	(32.993.473.611)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		24.525.781.740	54.845.957.638
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		2.360.995	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ				
(70 = 50+60+61)	70	4.1	56.354.294.446	21.852.484.027



Trương Nữ Thị Đỗ Quỳnh
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2022

Nguyễn Hòa Hiệp
Kế toán trưởng

Dương Trương Thị Hồng Trinh
Người lập biểu

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được cổ phần hóa từ Nhà máy Thực phẩm Xuất khẩu Mỹ Châu theo Quyết định số 207/1998/QĐ/BNN-TCCB ngày 10 tháng 12 năm 1998 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301671386, đăng ký lần đầu ngày 05 tháng 03 năm 1999 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 22 tháng 08 năm 2019.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 150.713.370.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại 18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2022 là 298 (01 tháng 01 năm 2022 là: 280).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

In và sản xuất bao bì bằng kim loại.

1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất, gia công các loại bao bì bằng kim loại;
- In, tráng verni trên sắt lá;
- Bán buôn các loại sắt lá, nhôm lá (dạng cuộn, dạng tờ);
- Bán buôn các loại vật tư, hóa chất sử dụng công nghệ in trên sắt lá;
- Xuất khẩu, nhập khẩu, quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu máy móc thiết bị và phụ tùng thay thế dùng trong các lĩnh vực: in, tráng verni trên sắt lá;
- Dịch vụ cho thuê sân bãi, nhà xưởng, kho tàng thuộc quyền sử dụng của Công ty; Kinh doanh bất động sản; Dịch vụ cho thuê văn phòng, nhà ở;

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký Chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG**

Các chính sách kế toán áp dụng để lập báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2022 thống nhất với các chính sách kế toán đã áp dụng để lập báo cáo tài chính năm 2021.

4. CÁC SỰ KIỆN HOẶC GIAO DỊCH TRỌNG YẾU TRONG KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 30/06/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	8.354.294.446	24.525.781.740
Các khoản tương đương tiền	48.000.000.000	-
Cộng	56.354.294.446	24.525.781.740

Tại ngày 30/06/2022, các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng với lãi suất từ 3%/năm đến 3,8%/năm tại ba ngân hàng Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hồ Chí Minh, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Sài Gòn.

4.2. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2022 VND		Tại ngày 01/01/2022 VND	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	3.200.000.000	3.200.000.000	7.200.000.000	7.200.000.000

(*) Tại ngày 30/06/2022, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh với lãi suất từ 3,7%/năm đến 4,9%/năm.

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

Địa chỉ: 18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Đầu tư tài chính dài hạn là các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác, thông tin của các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được chi tiết như sau:

STT	Tên công ty nhận đầu tư	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh
1.	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủ công Mỹ Nghệ	TP. Hà Nội	3,62%	3,62%	Xuất nhập khẩu, thương mại
2.	Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Việt Hà	Bắc Ninh	5,86%	5,86%	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia
3.	Công ty Cổ phần Càng Rau Quả	TP. Hồ Chí Minh	0,81%	0,81%	Khai thác, kinh doanh cảng, kho bãi

Tại ngày lập báo cáo, giá trị của các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2022 VND			Tại ngày 01/01/2022 VND		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủ công Mỹ Nghệ (*)	34.425.000.000	-	-	34.425.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Việt Hà (*)	12.586.600.000	-	-	12.586.600.000	-	-
Công ty Cổ phần Càng Rau Quả (**)	1.972.000.000	1.666.650.000	-	1.972.000.000	1.919.980.800	-
Cộng	48.983.600.000	1.666.650.000	-	48.983.600.000	1.919.980.800	-

(*) Tại ngày lập báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủ công Mỹ nghệ và Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Việt Hà để thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(**) Tại ngày lập báo cáo, Công ty đã xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Càng Rau Quả trên cơ sở giá niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán và số lượng cổ phiếu mà Công ty đang nắm giữ.

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

Địa chỉ: 18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Tại ngày 30/06/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Công ty Cổ Phần TM Kiên Giang - Nhà máy thực phẩm đóng hộp KTC	13.296.993.743	12.244.382.700
Công ty TNHH Đồ Hộp Blue Sea	9.588.988.479	8.920.317.774
Các khách hàng khác (*)	70.246.729.813	78.279.491.358
Cộng	93.132.712.035	99.444.191.832

(*) Tại ngày 30/06/2022, mỗi khoản phải thu khách hàng khác có giá trị nhỏ hơn 10% tổng số phải thu ngắn hạn của khách hàng.

4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Shin I Machinery Works Co., Ltd	2.294.630.255	516.605.000
Heisun Industry Ltd	21.894.586	148.052.782
Các nhà cung cấp khác (*)	560.108.696	379.429.480
Cộng	2.876.633.537	1.044.087.262

(*) Tại ngày 30/06/2022, mỗi khoản trả trước cho các nhà cung cấp khác có giá trị nhỏ hơn 10% tổng số trả trước cho người bán ngắn hạn.

4.5. Hàng tồn kho

	Tại ngày 30/06/2022 VND		Tại ngày 01/01/2022 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng đang đi trên đường	-	-	1.066.218.087	-
Nguyên liệu, vật liệu	127.100.738.657	-	91.289.430.746	-
Công cụ, dụng cụ	2.242.459.607	-	1.415.117.026	-
Thành phẩm	21.385.390.579	-	16.682.499.015	-
Cộng	150.728.588.843	-	110.453.264.874	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.6. Chi phí trả trước**

	Tại ngày 30/06/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Ngắn hạn:		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	861.448.062	714.416.219
Chi phí sửa chữa nhà xưởng	10.666.666	5.333.331
Chi phí bảo hiểm cháy nổ	341.170.036	658.120.990
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	141.359.337	198.985.937
Cộng	1.354.644.101	1.576.856.477
Dài hạn:		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	4.624.039.665	2.325.681.057
Các khoản khác	377.972.635	2.248.874.088
Cộng	5.002.012.300	4.574.555.145

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

Địa chỉ: 18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	TSCĐ hữu hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá:						
Tại ngày 01/01/2022	10.261.980.186	331.885.312.170	6.166.896.245	823.213.045	267.431.743	349.404.833.389
Mua trong kỳ	-	2.426.224.357	-	-	-	2.426.224.357
Tại ngày 30/06/2022	10.261.980.186	334.311.536.527	6.166.896.245	823.213.045	267.431.743	351.831.057.746
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Tại ngày 01/01/2022	9.839.360.450	298.225.119.267	4.709.673.087	688.092.669	267.431.743	313.729.677.216
Khấu hao trong kỳ	48.084.180	5.120.425.449	265.439.280	39.884.916	-	5.473.833.825
Tại ngày 30/06/2022	9.887.444.630	303.345.544.716	4.975.112.367	727.977.585	267.431.743	319.203.511.041
Giá trị còn lại:						
Tại ngày 01/01/2022	422.619.736	33.660.192.903	1.457.223.158	135.120.376	-	35.675.156.173
Tại ngày 30/06/2022	374.535.556	30.965.991.811	1.191.783.878	95.235.460	-	32.627.546.705

Giá trị còn lại tại ngày 30/06/2022 của TSCĐ hữu hình là 27.572.820.884 VND đã được dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay - Xem thêm mục 13.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 240.059.658.671 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

Địa chỉ: 18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.8. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2022 VND		Tại ngày 01/01/2022 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Dongwon Systems Corporation	7.591.394.800	7.591.394.800	4.983.261.360	4.983.261.360
Henkel Singapore Pte. Ltd	4.247.838.140	4.247.838.140	2.224.626.544	2.224.626.544
Công ty TNHH Edson International	2.687.568.488	2.687.568.488	806.366.000	806.366.000
Phải trả cho các đối tượng khác (*)	8.435.522.954	8.435.522.954	10.998.965.645	10.998.965.645
Cộng	22.962.324.382	22.962.324.382	19.013.219.549	19.013.219.549

(*) Tại ngày 30/06/2022, mỗi khoản phải trả cho các đối tượng khác có giá trị nhỏ hơn 10% tổng số phải trả người bán ngắn hạn.

4.9. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 30/06/2022 VND		Trong kỳ VND		Tại ngày 01/01/2022 VND	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	1.955.746.416	-	13.558.729.695	16.272.144.673	-	757.668.562
Thuế xuất, nhập khẩu	504.445.129	-	346.175.138	691.480.215	159.140.052	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.179.015.440	1.179.015.440	1.475.229.870	-	1.475.229.870
Thuế thu nhập cá nhân	-	197.783.453	1.049.039.952	1.073.139.906	-	221.883.407
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	3.186.894.571	3.186.894.571	-	-	-
Thuế môn bài	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
Cộng	2.460.191.545	4.563.693.464	19.322.854.796	19.514.994.664	159.140.052	2.454.781.839

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

Địa chỉ: 18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.10. Phải trả người lao động**

Số dư phải trả người lao động tại ngày 30/06/2022 bao gồm lương tháng 6 năm 2022 còn phải trả cho người lao động và khoản trích trước lương tháng 13 năm 2022.

4.11. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Chi phí hoa hồng bán hàng	1.024.925.531	974.407.818
Chi phí lãi vay	27.424.169	37.847.308
Các khoản trích trước khác	-	100.000.000
Cộng	1.052.349.700	1.112.255.126

4.12. Phải trả ngắn hạn khác

	Tại ngày 30/06/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Kinh phí công đoàn	262.122.656	571.639.101
Bảo hiểm xã hội	506.319.848	451.098.446
Bảo hiểm y tế	76.923.203	70.337.822
Bảo hiểm thất nghiệp	20.031.014	18.252.173
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	9.609.057.581	9.308.389.804
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	818.685.694	818.685.694
Các khoản phải trả, phải nộp khác	87.242.134	587.557.047
Cộng	11.380.382.130	11.825.960.087

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

Địa chỉ: 18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.13. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

Các khoản vay được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2022 VND		Trong kỳ VND		Tại ngày 01/01/2022 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	121.731.366.339	121.731.366.339	145.933.507.297	87.732.533.900	63.530.392.942	63.530.392.942

Vay ngắn hạn là các khoản vay với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam với hạn mức tín dụng là 150.000.000.000 đồng. Hợp đồng có thời hạn 12 tháng, với lãi suất từ 5,8% đến 7,5%/năm. Mục đích của khoản vay là bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Khoản vay của Công ty được đảm bảo bằng tài sản kèm theo các hợp đồng tài sản đảm bảo - Xem thêm mục 4.7.

4.14. Quỹ khen thưởng phúc lợi

	Quỹ khen thưởng, phúc lợi VND
Tại ngày 01/01/2022	1.838.764.253
Trích trong kỳ	2.242.602.818
Chi trong kỳ	(418.810.000)
Tại ngày 30/06/2022	3.662.557.071

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

Địa chỉ: 18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.15. Vốn chủ sở hữu****4.15.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu					Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	
Tại ngày 01/01/2021	150.713.370.000	15.557.011.449	(317.124.000)	28.301.633.961	20.158.636.930	214.413.528.340
Lãi trong 6 tháng đầu năm trước	-	-	-	-	10.690.911.938	10.690.911.938
Tại ngày 30/06/2021	150.713.370.000	15.557.011.449	(317.124.000)	28.301.633.961	30.849.548.868	225.104.440.278
Lãi trong 6 tháng cuối năm trước	-	-	-	-	11.900.494.157	11.900.494.157
Trích quỹ đầu tư phát triển năm 2019 và 2020	-	-	-	6.311.773.692	(6.311.773.692)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2019 và 2020	-	-	-	-	(2.015.863.693)	(2.015.863.693)
Chia cổ tức năm 2019 và 2020	-	-	-	-	(11.830.999.545)	(11.830.999.545)
Giảm khác do truy thu thuế 2020	-	-	-	-	(165.377.916)	(165.377.916)
Tại ngày 01/01/2022	150.713.370.000	15.557.011.449	(317.124.000)	34.613.407.653	22.426.028.179	222.992.693.281
Lãi trong 6 tháng đầu năm nay	-	-	-	-	5.049.806.740	5.049.806.740
Trích quỹ đầu tư phát triển năm 2021	-	-	-	20.183.425.361	(20.183.425.361)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2021	-	-	-	-	(2.242.602.818)	(2.242.602.818)
Tại ngày 30/06/2022	150.713.370.000	15.557.011.449	(317.124.000)	54.796.833.014	5.049.806.740	225.799.897.203

Phương án phân phối lợi nhuận trong kỳ này được nêu trong Tờ trình số 33/ĐHĐCĐ/2022/TTr-HĐQT ngày 22/04/2022 và được Đại hội đồng cổ đông thông qua theo Nghị quyết số 36/2022/NQ-MCP ngày 23 tháng 04 năm 2022. Trong đó, lợi nhuận sau thuế năm 2021 sẽ được trích vào Quỹ đầu tư phát triển và Quỹ khen thưởng phúc lợi và không chia cổ tức cho cổ đông.

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

Địa chỉ: 18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.15.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tại ngày 30/06/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Ông Trần Quang Huy	37.044.460.000	37.044.460.000
Ông Nguyễn Đức Hiếu	30.116.940.000	30.116.940.000
Bà Phan Đỗ Hạnh	21.080.000.000	21.080.000.000
Ông Lưu Nguyễn Chí Nhân	16.840.000.000	16.840.000.000
Bà Phạm Bích Ngà	14.170.000.000	14.170.000.000
Các cổ đông khác	31.274.750.000	31.274.750.000
Cổ phiếu quỹ	187.220.000	187.220.000
Cộng	150.713.370.000	150.713.370.000

4.15.3. Cổ phiếu

	Tại ngày 30/06/2022	Tại ngày 01/01/2022
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	15.071.337	15.071.337
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	15.071.337	15.071.337
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại (cổ phiếu quỹ)	18.722	18.722
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	15.052.615	15.052.615
Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần.		

4.15.4. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	5.049.806.740	10.690.911.938
Số cổ phần lưu hành bình quân trong kỳ	15.052.615	15.052.615
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	335	710

Tại ngày lập báo cáo tài chính, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận có thể được phân bổ vào Quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2022 do Đại hội đồng cổ đông Công ty chưa quyết định tỷ lệ trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm 2022. Nếu Công ty trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi, chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu" có thể giảm, dẫn đến việc lãi cơ bản trên cổ phiếu giảm tương ứng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.15.5. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	5.049.806.740	10.690.911.938
Số lượng cổ phiếu để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	15.052.615	15.052.615
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	335	710

Tại ngày lập báo cáo tài chính, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận có thể được phân bổ vào Quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2022 do Đại hội đồng cổ đông Công ty chưa quyết định tỷ lệ trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm 2022. Nếu Công ty trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi, chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu" có thể giảm, dẫn đến việc lãi suy giảm trên cổ phiếu giảm tương ứng.

4.15.6. Các quỹ của doanh nghiệp

	Quỹ đầu tư phát triển VND
Tại ngày 01/01/2022	34.613.407.653
Trích trong kỳ	20.183.425.361
Tại ngày 30/06/2022	54.796.833.014

4.16. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	Tại ngày 30/06/2022	Tại ngày 01/01/2022
<u>Ngoại tệ các loại:</u>		
USD	5.220,29	4.965,47
	Tại ngày 30/06/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
<u>Nợ khó đòi đã xử lý:</u>		
Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Kiên Giang	223.874.352	223.874.352
Công ty TNHH Bao Bì Sammiguel Yamamura	330.870.543	330.870.543
Các đối tượng khác	82.355.452	82.355.452

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.17. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu bán thành phẩm	212.537.937.941	139.975.283.370
Doanh thu bán hàng hóa	6.370.582.091	9.336.122.258
Doanh thu cung cấp dịch vụ	20.717.071.970	25.579.018.653
Doanh thu khác	14.259.086.979	10.346.487.100
Cộng	253.884.678.981	185.236.911.381

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ kỳ này tăng 37% so với kỳ trước, nguyên nhân chủ yếu là do tăng số lượng đơn đặt hàng và tăng đơn giá bán.

4.18. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn bán thành phẩm	190.877.294.574	118.137.676.409
Giá vốn bán hàng hóa	6.012.947.187	9.528.754.881
Giá vốn cung cấp dịch vụ	16.980.886.860	18.826.913.193
Giá vốn khác	13.786.855.325	10.102.838.228
Hoàn nhập dự phòng tổn thất hàng tồn kho	-	(21.217.988)
Cộng	227.657.983.946	156.574.964.723

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ kỳ này tăng 45% so với kỳ trước là do tăng theo mức tăng của doanh thu, bên cạnh đó, chi phí nguyên vật liệu đầu vào và chi phí vận chuyển cũng tăng cao. Do vậy, đã làm cho tỷ lệ lãi gộp trên doanh thu kỳ này cũng giảm theo.

4.19. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Cổ tức, lợi nhuận được chia	620.317.906	-
Lãi tiền gửi	523.634.124	1.804.886.278
Lãi chênh lệch tỷ giá	65.365.080	66.120.580
Cộng	1.209.317.110	1.871.006.858

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.20. Chi phí tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền vay	2.367.723.975	2.631.024.081
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.286.227.338	702.467
Hoàn nhập dự phòng giảm giá tổn thất đầu tư	-	(438.682.000)
Cộng	3.653.951.313	2.193.044.548

Chi phí tài chính kỳ này tăng 67% so với kỳ trước. Nguyên nhân chủ yếu là do tăng lỗ chênh lệch tỷ giá vì biến động của tình hình tỷ giá 6 tháng đầu năm 2022 và kỳ này Công ty không phát sinh khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá tổn thất đầu tư.

4.21. Chi phí bán hàng

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân công	2.382.671.266	1.857.132.952
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.330.062.373	2.348.591.251
Chi phí khấu hao tài sản cố định	126.734.616	126.734.616
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.762.880.175	2.525.812.552
Chi phí khác bằng tiền	278.453.484	328.545.009
Cộng	8.880.801.914	7.186.816.380

4.22. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	4.864.787.526	4.920.035.967
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	210.237.565	248.510.194
Chi phí khấu hao	122.961.546	108.384.270
Thuế, phí, lệ phí	677.815.842	639.338.378
Chi phí thuê ngoài	1.727.607.543	1.038.853.663
Chi phí khác	863.186.705	1.478.863.758
Cộng	8.466.596.727	8.433.986.230

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.23. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	201.055.650.945	104.439.586.528
Chi phí nhân công	27.350.439.259	26.946.587.905
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.473.833.825	7.316.847.337
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.993.346.435	7.158.186.149
Chi phí khác bằng tiền	1.835.003.537	6.493.796.248
Cộng	249.708.274.001	152.355.004.167

4.24. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành được xác định như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong kỳ	6.228.822.180	13.363.639.922
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	288.933.920	-
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	(622.678.901)	-
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh	5.895.077.199	13.363.639.922
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ	1.179.015.440	2.672.727.984

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí/thu nhập khi tính thuế.

4.25. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	145.085.724.716	46.240.068.542

4.26. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

	Kỳ này VND	Kỳ này VND
Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	(87.583.171.181)	(102.162.370.439)

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

Địa chỉ: 18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.27. Báo cáo bộ phận**

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Công ty có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính yếu theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như sau:

- Sản xuất;
- Thương mại;
- Dịch vụ;
- Hoạt động khác.

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2022:

	Đơn vị tính: Ngàn đồng									
	<u>Sản xuất</u>		<u>Thương mại</u>		<u>Dịch vụ</u>		<u>Khác</u>		<u>Tổng cộng</u>	
	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước
Doanh thu thuần										
Từ khách hàng bên ngoài	212.299	139.897	6.371	9.336	20.717	25.579	14.259	10.346	253.646	185.158
Kết quả hoạt động kinh doanh										
Kết quả của bộ phận	21.422	21.780	358	(193)	3.736	6.752	472	244	25.988	28.583
Chi phí không phân bổ									(17.347)	(15.621)
Thu nhập tài chính									1.209	1.871
Chi phí tài chính									(3.654)	(2.193)
Thu nhập khác									62	1.017
Chi phí khác									(29)	(294)
Lợi nhuận trước thuế									6.229	13.364
Thuế thu nhập doanh nghiệp									(1.179)	(2.673)
Lợi nhuận sau thuế									5.050	10.691

Công ty không có báo cáo bộ phận về tài sản và nợ phải trả theo lĩnh vực kinh doanh vì tài sản và nợ phải trả của Công ty dùng chung cho hoạt động sản xuất, thương mại, dịch vụ và các hoạt động khác.

Công ty không có báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý vì hoạt động của Công ty hoàn toàn tại Việt Nam, do đó không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo khu vực địa lý cần thiết phải thuyết minh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.28. Thông tin về các bên liên quan****Danh sách các bên liên quan****Mối quan hệ**

Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc

Nhân sự quản lý chủ chốt

Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Tổng Giám đốc khác được hưởng trong kỳ như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Ông Nguyễn Ngọc Nghị - Chủ tịch HĐQT	60.000.000	60.000.000
Bà Phan Đỗ Hạnh - Thành viên HĐQT	40.000.000	40.000.000
Ông Lưu Nguyễn Chí Nhân - Thành viên HĐQT	40.000.000	40.000.000
Bà Trương Nữ Thị Đỗ Quỳnh - Tổng Giám đốc	300.000.000	308.710.000
Cộng	440.000.000	448.710.000

4.29. Thu nhập Ban kiểm soát

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Ông Vũ Đình Thái - Trưởng Ban Kiểm soát	30.000.000	30.000.000
Bà Nguyễn Thị Cẩm Vang - Thành viên	20.000.000	20.000.000
Ông Nguyễn Tuấn Vinh - Thành viên	10.000.000	20.000.000
Bà Phạm Ngọc Hạnh Nhung - Thành viên	10.000.000	-
Cộng	70.000.000	70.000.000

4.30. Công cụ tài chính

Trong quá trình hoạt động, Công ty có thể có các rủi ro tài chính như sau:

- Rủi ro tín dụng: Là khả năng mà khách nợ sẽ không hoàn trả toàn bộ hoặc một phần các khoản vay, hoặc sẽ không hoàn trả đúng hạn và do đó sẽ đưa đến một khoản lỗ cho Công ty.
- Rủi ro thanh khoản: Là rủi ro mà Công ty có thể không có hoặc không có khả năng có tiền khi cần và do đó sẽ gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ có liên quan đến các khoản công nợ tài chính.
- Rủi ro thị trường: Là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính sẽ biến động về mặt giá trị hợp lý hoặc dòng tiền trong tương lai do những biến động về giá cả trên thị trường. Về cơ bản, Công ty có thể có các rủi ro thị trường sau:
 - + Rủi ro lãi suất;
 - + Rủi ro tiền tệ;

Để quản lý một cách có hiệu quả các rủi ro trên, Hội đồng quản trị (HĐQT) của Công ty đã phê duyệt những chiến lược cụ thể để quản lý những rủi ro này phù hợp với mục tiêu hoạt động của Công ty. Những chiến lược này đưa ra những hướng dẫn đối với mục tiêu ngắn hạn và dài hạn và những hành động sẽ được thực hiện để quản lý những rủi ro tài chính của Công ty. Những hướng dẫn chủ yếu bao gồm:

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

Địa chỉ: 18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

- Tối thiểu hóa các rủi ro về giá, rủi ro tiền tệ và rủi ro lãi suất đối với tất cả các giao dịch;
- Tất cả các hoạt động quản lý rủi ro tài chính được thực hiện và giám sát ở mức độ tập trung;
- Tất cả các hoạt động quản lý rủi ro tài chính được thực hiện trên cơ sở nhất quán, thận trọng và theo những thông lệ thị trường tốt nhất;
- Công ty có thể đầu tư cổ phiếu và các công cụ tương tự chỉ trong trường hợp có tiền nhàn rỗi tạm thời và các giao dịch này phải được HĐQT phê duyệt.

Bảng dưới đây trình bày tóm tắt tài sản tài chính và công nợ tài chính theo từng loại:

	Tại ngày 30/06/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Tài sản tài chính:		
Tiền và các khoản tương đương tiền	56.354.294.446	24.525.781.740
Phải thu khách hàng và phải thu khác	96.259.515.902	99.603.498.541
Đầu tư tài chính	52.183.600.000	56.183.600.000
Cộng	204.797.410.348	180.312.880.281
Công nợ tài chính:		
Các khoản vay	121.731.366.338	63.530.392.942
Phải trả người bán và phải trả khác	34.342.706.512	30.839.179.636
Chi phí phải trả	1.052.349.700	1.112.255.126
Cộng	157.126.422.550	95.481.827.704

Rủi ro tín dụng

Công ty kiểm soát rủi ro tín dụng bằng cách xác định hạn mức rủi ro cho từng khách hàng. Công ty đang áp dụng chính sách chỉ giao dịch với khách hàng đáng tin cậy về mặt tín dụng. Không có những tập trung quan trọng về rủi ro tín dụng. Rủi ro tín dụng tối đa mà Công ty có thể gánh chịu được tóm tắt trong bảng dưới đây:

	Tại ngày 30/06/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Tiền và tương đương tiền	56.354.294.446	24.525.781.740
Phải thu khách hàng và phải thu khác	96.259.515.902	99.603.498.541
Cộng	152.613.810.348	124.129.280.281

Công ty không nắm giữ các thế chấp cho các khoản phải thu. Tất cả các khoản phải thu quá hạn đều được đánh giá tổn thất một cách phù hợp.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Rủi ro thanh khoản

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản trên cơ sở ngày đến hạn được mong đợi.

Bảng dưới đây phân tích nợ tài chính theo ngày đến hạn còn lại theo hợp đồng:

	Vay và nợ VND	Phải trả người bán và phải trả khác VND	Chi phí phải trả VND	Cộng VND
Dưới 01 năm	121.731.366.338	34.342.706.512	1.052.349.700	157.126.422.551
Từ 1 – 5 năm	-	-	-	-
Tại ngày 30/06/2022	121.731.366.338	34.342.706.512	1.052.349.700	157.126.422.551
Dưới 01 năm	63.530.392.942	30.839.179.636	1.112.255.126	95.481.827.704
Từ 1 – 5 năm	-	-	-	-
Tại ngày 01/01/2022	63.530.392.942	30.839.179.636	1.112.255.126	95.481.827.704

Công ty dự kiến sẽ thanh toán tất cả các khoản nợ khi đến hạn. Để đáp ứng các cam kết thanh toán này, Công ty dự kiến các hoạt động kinh doanh sẽ tạo ra đủ dòng tiền vào. Ngoài ra, Công ty đang nắm giữ các tài sản tài chính có tính thanh khoản cao và sẵn sàng đáp ứng nhu cầu thanh khoản.

Rủi ro ngoại tệ

Công ty có hoạt động nhập khẩu nguyên vật liệu đầu vào nên chịu rủi ro về ngoại tệ như là một phần trong hoạt động kinh doanh của Công ty.

Tài sản tài chính được phân tích theo từng loại tiền tệ như sau:

	Đầu tư tài chính VND	Phải thu thương mại và phải thu khác VND	Tiền và tương đương tiền VND	Cộng VND
Tại ngày 30/6/2022				
VND	52.183.600.000	96.259.515.902	56.233.549.138	204.676.665.040
Đô la Mỹ	-	-	120.745.308	120.745.308
Cộng	52.183.600.000	96.259.515.902	56.354.294.446	204.797.410.348
Tại ngày 01/01/2022				
VND	56.183.600.000	99.603.498.541	24.413.164.880	180.200.263.421
Đô la Mỹ	-	-	112.616.860	112.616.860
Cộng	56.183.600.000	99.603.498.541	24.525.781.740	180.312.880.281

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Nợ tài chính được phân tích theo từng loại tiền tệ như sau:

	Các khoản vay	Phải trả thương mại và phải trả khác	Chi phí phải trả	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/6/2022				
VND	121.731.366.338	21.151.237.060	1.052.349.700	143.934.953.098
Đô la Mỹ	-	13.191.469.452	-	13.191.469.452
Cộng	121.731.366.338	34.342.706.512	1.052.349.700	157.126.422.550
Tại ngày 01/01/2022				
VND	63.530.392.942	20.013.343.463	1.112.255.126	84.655.991.531
Đô la Mỹ	-	10.825.836.173	-	10.825.836.173
Cộng	63.530.392.942	30.839.179.636	1.112.255.126	95.481.827.704

Để quản lý rủi ro ngoại tệ, Công ty đã ký các hợp đồng tiền tệ kỳ hạn.

Phân tích độ nhạy cảm

Một khoản tăng/giảm 10% đối với tỷ giá hối đoái giữa VND và Đô la Mỹ sẽ giảm/tăng lợi nhuận sau thuế là 1.045.657.932 VND (Kỳ trước: 857.057.545 VND).

Các phân tích nêu trên được thực hiện trên cơ sở sau:

- Ước tính của Tổng Giám đốc về thay đổi tỷ giá hối đoái (là 10%) cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022 là hợp lý;
- Không xem xét các giao dịch đã được phòng ngừa rủi ro. Công ty dự kiến các biến động về giá trị của các khoản mục được phòng ngừa rủi ro được bù trừ gần như hoàn toàn với các khoản mục để phòng ngừa rủi ro;

Theo đánh giá của Tổng Giám đốc, phân tích độ nhạy cảm như nêu trên không đại diện cho những rủi ro về tỷ giá hối đoái vốn có do những rủi ro vào cuối kỳ không phản ánh rủi ro trong suốt kỳ.

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.31. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ảnh hưởng của đại dịch Coronavirus (COVID-19) vẫn đang diễn ra và mặc dù chưa tác động về mặt tài chính cho Công ty đến ngày 30/06/2022 nhưng Công ty cũng không thể ước tính được các ảnh hưởng tiềm tàng, tích cực hoặc tiêu cực, sau ngày kết thúc kỳ báo cáo. Tình hình dịch bệnh đang diễn biến nhanh và phụ thuộc vào các biện pháp kiểm soát dịch bệnh của Chính phủ Việt Nam và các nước.

Ngoài ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 nêu trên, không có vấn đề hoặc tình huống nào khác phát sinh kể từ ngày 30/06/2022 có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể có ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hoặc tình hình của Công ty trong những giai đoạn tài chính sắp tới.



Trương Nữ Thị Đỗ Quỳnh
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2022

Nguyễn Hòa Hiệp
Kế toán trưởng

Dương Trương Thị Hồng Trinh
Người lập

